

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LÁT  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 7/7/2021

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị T*

*Các hội thẩm nhân dân: Ông: Hoàng Văn H và Bà: Phan Thị M*

*Thư ký toà án ghi biên bản: Ông Lê Văn C - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa*

Ngày 07/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2021/TLST- HNGĐ ngày 25/3/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/3/2021 của Toà án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Sùng A D , sinh ngày 13 tháng 7 năm 1967

**Bị đơn:** Chị Giàng Thị C , sinh ngày 19 tháng 8 năm 1970

Đều trú tại: Bản Khảm 2, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, Thanh Hoá.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn, anh Sùng A D trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 22/3/2021 và Biên bản hòa giải ngày 09/6/2021:**

*Về hôn nhân:* Anh và chị Giàng Thị C tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, tự nguyện đến với nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào đầu năm 1998, không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian dài và có với nhau tám con chung. Trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do chị Chà không có trách nhiệm với gia đình, bỏ bê chồng con, anh ốm đau chị cũng không chăm sóc, quan tâm, công việc nương rẫy chị cũng không chịu đi làm cùng. Khi về đến nhà cũng không nấu cho anh một bữa cơm, đi làm về anh cũng tự nấu cơm ăn và còn hay nói xấu anh với người khác, anh rất bức và đã nói chuyện với chị thì chị không sửa đổi lại xảy ra xích mích mâu thuẫn. Anh cũng đã nhiều lần khuyên bảo và phân tích cho chị hiểu nhưng chị vẫn cứ sống vô tâm

như vậy nên anh rất buồn và tủi thân. Mâu thuẫn giữa hai người thường xuyên xảy ra và ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được nữa, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Anh cảm thấy cuộc sống như vậy thật mệt mỏi và bức xúc, dần dần tình cảm phai nhạt, anh không còn tình cảm với chị nữa và chị cũng không còn tình cảm với anh nữa nên mới có thái độ như vậy. Mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng không đạt được nên nguyện vọng của anh là muốn được ly hôn để giải thoát cho cả hai và yên tâm lo cho cuộc sống riêng của mình. Hiện tại anh và các con khỏe mạnh, không ốm đau gì, không có bệnh hiểm nghèo.

*Về con chung:* Anh, chị có tám con chung, sáu cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn 02 cháu, tên các cháu là Sùng Văn Q , sinh ngày 09/6/2006 và cháu Sùng Thị G , sinh ngày 15/5/2009. Hiện tại các cháu đang đi học. Các cháu đều khỏe mạnh. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sùng Văn Q cho đến khi cháu trưởng thành; còn chị có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sùng Thị G cho đến khi cháu trưởng thành.

Anh cam đoan, ngoài tám con chung anh, chị không có con chung nào. Hiện tại anh và chị C sức khỏe tốt, không ốm đau, không bệnh hiểm nghèo, chị C không có thai nghén.

*Về tài sản chung, nợ nần chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh không yêu cầu chị Chà cấp dưỡng nuôi con chung.

**\* Bị đơn chị Giàng Thị C trình bày tại Biên bản ghi lời khai, Biên bản hòa giải:**

*Về hôn nhân:* Chị thống nhất lời trình bày của anh là đúng. Chị và anh Sùng A D tự tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc và tự nguyện đến với nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương vào năm 1998. Do không hiểu biết về pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Cưới xong chung sống hạnh phúc, hoà thuận được một thời gian và có với nhau Tám con chung, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau ngày càng trầm trọng như anh D trình bày. Chị vẫn còn thương anh D nhưng anh D không thương yêu và có tình cảm với chị nữa, chị cũng đồng ý chia tay anh D .

*Về con chung:* Anh, chị có tám con chung, sáu cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn 02 cháu, tên các cháu là Sùng Văn Q , sinh ngày 09/6/2006 và cháu Sùng Thị G , sinh ngày 15/5/2009. Hiện tại các cháu đang đi học. Các cháu đều khỏe mạnh. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sùng Văn Q cho đến khi cháu trưởng thành; còn chị có trách nhiệm nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục cháu Sùng Thị G cho đến khi cháu trưởng thành.

Anh cam đoan, ngoài tám con chung anh, chị không có con chung nào. Hiện tại anh và chị C sức khỏe tốt, không ốm đau, không bệnh hiểm nghèo, chị C không có thai nghén.

*Về tài sản chung, nợ nần chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Anh Sùng A D , sinh ngày 13 tháng 7 năm 1967 khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn Chị Giàng Thị C , sinh ngày 19 tháng 8 năm 1970. Anh, chị đều trú tại: Bản Khảm 2, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ điều 28, điều 35; điều 39 và điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết.

**[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Theo quy định tại khoản 7 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 bộ luật tố tụng dân sự thì anh Sùng A D là nguyên đơn, chị Giàng Thị C là bị đơn.

**[3]. Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng:**

- Về Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa thì người tiến hành tố tụng luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; cung cấp lời khai, xác minh tình trạng hôn nhân, xác minh địa chỉ đương sự, kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải... Tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng.

- Về Người tham gia tố tụng: Các đương sự và người phiên dịch cho các đương sự luôn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

**[4]. Về hôn nhân:** Anh và chị Giàng Thị C tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, tự nguyện đến với nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào đầu năm 1998, không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì thấy: Tại điểm b mục I Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”

Như vậy anh D và chị C vi phạm quy định tại Điều 9 và Điều 11 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh, chị mâu thuẫn, Anh Sùng A D có đơn xin ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 14; Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết về hôn nhân, không công nhận anh Sùng A D và chị Giàng Thị C là vợ chồng.

[5] *Về con chung*: Các đương sự có 08 người con chung, 06 con đã trưởng thành và có gia đình còn 02 con chung là Sùng A Q , sinh năm 2006 hiện đang học lớp 9, cháu Sùng Thị G , sinh năm 2009, hiện cháu đang học lớp 6, cả hai cháu đều là học sinh trường Trung học cơ sở xã Trung Lý, huyện Mường Lát. Các cháu đang ở với anh D và chị C . Tại phiên hòa giải ngày 09/6/2021. Anh và chị C thỏa thuận, thống nhất giao cháu Sùng A Q cho anh D , giao cháu Sùng Thị G cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành.

HĐXX xét thấy: Thỏa thuận về việc nuôi con của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm, đúng quy định của pháp luật và cũng là nguyện vọng của các cháu, nên căn cứ Điều 15 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] *Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[8] *Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo*: Anh Sùng A D có đơn xin được miễn án phí.

Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Sùng A D được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và nuôi con chung.

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

### ***Căn cứ vào:***

Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 48; Điều 68; Điều 266; Điều 267; Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 11; Điều 14; Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm b mục I Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Sùng A Dế và chị Giàng Thị Chà là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Sùng A Q , sinh năm 2006 cho anh D , giao cháu Sùng Thị G , sinh năm 2009 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành. Không ai được lạm dụng hoặc dựa vào việc thăm con gây khó khăn cho nhau, anh D , chị C không được ngăn cấm hoặc cản trở.

Không ai phải đóng góp nuôi con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Sùng A D được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Mường Lát;
- VKSND huyện tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Trung Lý, Mường Lát;
- Lưu HS.

**Ngô Thị T**